

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2023

V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Dương
- Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 24/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Anh K, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 497B/4, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Chị Thạch Thanh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Anh K trình bày: Vào năm 2012 anh và chị Thạch Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 06/12/2012. Trong quá trình chung sống anh và chị T có một con chung tên Trần Kim T, sinh ngày 28/10/2013 hiện đang sống chung với anh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu

thuần, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, trong khoản thời gian ly thân cũng không ai tạo điều kiện để hàn gắn với nhau. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Anh K yêu cầu ly hôn chị Thạch Thanh T.
- Về nuôi con tên: Trần Kim T, sinh ngày 28/10/2013 hiện đang sống chung với anh K, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi con khi ly hôn.
- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh K không tranh chấp, không khởi kiện.
- Đối với bị đơn chị Thạch Thanh T, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Chị T vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn chị Thạch Thanh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Anh K và chị T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2014, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh K được ly hôn với chị Thạch Thanh T. Về con chung: Từ khi sống ly thân cháu Thanh sống chung với anh K và được anh chăm sóc chu đáo phát triển toàn diện về mọi mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh K được quyền nuôi con chung là cháu Trần Kim T, sinh ngày 28/10/2013. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả anh K không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm anh K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh K và chị T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; Bị đơn đang cư trú tại huyện C,

tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thanh T là bị đơn, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị T vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Thạch Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 06/12/2012 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh K và chị T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh K: Theo lời khai của anh K thì anh và chị T quen biết nhau sau đó tiến đến hôn nhân và kết hôn vào tháng 12/2012 cho đến năm 2014 vợ chồng sống ly thân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh xin ly hôn với chị T. Về phía chị T mặc dù Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng chị T đã nhận nhưng chị T không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét về hôn nhân giữa chị và anh K, điều đó chứng tỏ rằng chị T không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh K, mặc khác qua xác minh của Tòa án thì mẹ chị T trình bày có nghe chị T nói lại là giữa chị và anh K có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị T đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu về nhà một lần. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Kim T, sinh ngày 28/10/2013 hiện tại anh K đang nuôi dưỡng, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy con chung của anh K và chị T là cháu Trần Kim T, sinh ngày 28/10/2013, từ khi vợ chồng ly thân anh K nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa anh và con gắn bó hơn, mặc khác cháu T có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó việc giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu T có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho anh K được quyền chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh K không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Anh K phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6] Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh K.

- Về hôn nhân: Cho anh Trần Anh K được ly hôn với chị Thạch Thanh T.

- Về nuôi con chung: Anh Trần Anh K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Kim T, sinh ngày 28/10/2013 khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Anh K không yêu cầu chị Thạch Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh Trần Anh K không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015646 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh K đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Hùng Anh